# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) _____ (Middle) DUONG (First)

Current Address: 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, T/P HCM

Date of Birth: 15-02-1952 Place of Birth: HAI HUNG, VIETNAM.

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) COMMONMAN STRATA TEAM

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 13-MAY 1982 To 19-SEPT 1987
Years: 5 Months: 4 Days: 6

3. SPONSOR'S NAME: no sponsor in USA. (Name)

_____ (Address and Telephone Number)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| no relative in USA. | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :
Divorce judgement attached.

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

**INTAKE FORM** (Two Copies)
**MAU DON VE LY-LICH**
**********

HỒ SƠ BỔ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN (Last (Ten Ho)) DUONG (Middle (Giua)) (First (Ten goi))

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 02 (Month (Thang)) 15 (Day (Ngay)) 1952 (Year (Nam))

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
Devorce, Ly di : X.

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, TP HCM.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): MAY 13. 1982 To (Den): SEPT 19. 1987

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trai tu): SAIGON, SONG BE

PROFESSION (Nghe nghiep): ELECTRICIAN

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): SERGEANT, VIETNAM ARMY (BINGSI)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): COMMUNMAN STRATA TEAM. Date (nam): UNTIL 1975
1970 To 1972

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 250/20 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 QUAN BINH THANH, TP HCM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NO sponsor in USA.

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND (BAN)

NAME & SIGNATURE: LE HAI
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: APR. (Month (Thang)) 28 (Day (Ngay)) 1990 (Year (Nam))

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : Devorce Judgement attached.

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH
**********

HỒ SƠ BỔ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN (Last (Ten Ho)) | (Middle (Giua)) | DUONG (First (Ten goi))

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 02 (Month (Thang)) | 15 (Day (Ngay)) | 1952 (Year (Nam))

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
Devorce, Ly di : X.

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, T/P HCM.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) __
If Yes (Neu co): From (Tu): MAY 13. 1982 To (Den): SEPT 19. 1987

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trai tu): SAIGON, SONG BE

PROFESSION (Nghe nghiep): ELECTRICIAN

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): SERGEAT, VIETNAM ARMY (TRUNG SĨ)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): COMMUNMAN STRATA TEAM. 1970 To 1972 Date (nam): UNTIL 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 250/20 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 QUAN BINH THANH, T/P HCM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NO SPONSOR IN USA.

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND (BẠN)

NAME & SIGNATURE: LE HAI
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: APR. (Month (Thang)) | 28 (Day (Ngay)) | 1990 (Year (Nam))

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : Devorce Judgement attached.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022645963

Họ tên NGUYỄN DƯƠNG

Sinh ngày 15-02-1952

Nguyên quán Hải Hưng

Nơi thường trú 250/20 Nguyen-Thượng Hiền, F.6, BT, TP. HồChíMinh

Tôn giáo : Phật

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 1,5cm
trên sau đầu mày trái

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Thể

# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:



**Hội Đồng Quản Trị**
**Board of Directors**

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỎI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯỢNG

**Ban Chấp Hành T.U.**
**Executive Board**

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỎI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯỢNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

**Cố Vấn Đoàn**
**Advisory Committee**

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN


## MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP
## HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuần túy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: HAI LE
Địa chỉ: _____
_____
Điện thoại: (sở) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN DUONG
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: BẠN
(Cha, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời gian: _____
Niên liễm: $12.00 ($12.00)
Đóng góp ủng hộ: $18.00 (tùy ý)

Thủ tục, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE:

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

**Hội Đồng Quản Trị**
**Board of Directors**

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỎI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯỢNG

**Ban Chấp Hành T.U.**
**Executive Board**

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỎI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯỢNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

**Cố Vấn Đoàn**
**Advisory Committee**

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

# MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP
# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuần túy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tụ gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: HAI LE
Địa chỉ: _____
Điện thoại: (sở) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: NGUYEN DUONG
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị: BẠN
(Cha, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liễm: 12.00 ($12.00)
Đóng góp ủng hộ: 18.00 (tùy ý)

Thủ tư, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE:

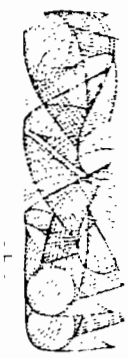

Bank of Montreal / Banque de Montréal

18 210

US Dollar Money Order not exceeding / Mandat en dollars US n excedant pas $ 1,000 U.S. US

Date APR 30 1990

US Dollars US USD30.00

Pay to the order of / Payez a l'ordre de HOI GIA DINH TUNHAN CHINHTRI VIETNAM $

BANK of MONTREAL 30 DOLS 00 CTS

100 U S Dollars US

for Bank of Montreal / pour la Banque de Montreal

M W Barrett
President / President

To / a
CITIBANK, N A
111 Wall Street
New York, N Y 10043

HAI LE
Purchaser's Name / Nom de l'acheteur

Purchaser's Address / Adresse de l'acheteur

Vancouver. May 01. 1990

Kính gởi

Hội gia đình tù nhân chính trị Vietnam.

Tôi đã nhận được các mẫu đơn của hội gởi cho tôi, thành thật cảm ơn rất nhiều.

Nay tôi xin nhờ hội giúp đỡ, bạn tôi về một giấy tờ trong chương trình "ra đi trật tự" (ODP) vì Bạn tôi không có thân nhân ở Mỹ-quốc. Các giấy tờ tôi đã điền đầy đủ và các giấy tờ tuỳ thân của bạn tôi, tôi xin kèm theo cho hội một set và nhờ hội nộp cho chính Hoa Kỳ một set nhờ cứu xét.

Một lần nữa tôi thành thật cảm ơn hội rất nhiều, đã quan tâm tới những người tù cải tạo và những người thiếu May mắn còn ở V.N. Cầu chúc hội vượt mọi khó khăn để giúp đỡ thân nhân ta còn kẹp lại V.N.

Kính thư.

Thanh

Hai Lê.

* Tiện đây tôi xin gởi ủng hộ hội ít tiền.

# Ý LỊCH BẢN THÂN

I/- HỘ TỊCH :

- Họ và Tên : NGUYỄN DƯƠNG , Sinh ngày 15-02-1952 , Chứng Minh Nhân Dân số 020645963 do Sở Công An Thành Phố cấp ngày 18-11-1989 .
- Nghề Nghiệp : Điện Lạnh .
- Địa chỉ : 250/20 Nguyễn Thượng Hiền , Phường 6 , Quận Bình Thạnh , TP.HỒ CHÍ MINH .
- Học Tập Cải Tạo : Lần thứ I tại SAIGON
  Lần thứ II tại Tỉnh SÔNG BÉ .
- Tình trạng Gia Cảnh : 01 ( một ) Vợ và 03 ( ba ) Con .
  1- Vợ : NGUYỄN THỊ THANH , Sinh năm 1956 ( Đã ly hôn )
  2- Con : NGUYỄN TUẤN , Sinh năm 1977 hiện Đi Học . Địa chỉ 250/20 Nguyễn Thượng Hiền P06 Quận Bình Thạnh Tp Hồ Chí Minh
  3- Con : NGUYỄN TOÀN , Sinh năm 1978 hiện Đi Học .
  4- Con : NGUYỄN ANH DŨNG , Sinh năm 1980 hiện Đi Học ./.

II/- PHỤC VỤ VỚI CƠ QUAN NƯỚC BẠN HOA KỲ .

- Cơ Quan F.O.B.M.M. Đà Nẵng VIỆT NAM .
- Thuộc Toán STRATA .
- Chỉ Huy Trưởng Thiếu Tá GOLD ( Bị tử nạn trên chiếc Máy Bay C.06 năm 1971 do Phi Hành Đoàn Trung Hoà Quốc Gia điều khiển ) .
- Từng trực tiếp làm việc với Trung Sĩ SKY , FRANKLIN GRACIA v.v...
- Đã theo học tại AIRBON CENTEN TRAINING Long Thành VIỆT NAM .
  1) AIRBON .
  2) COMMO .

Sau tháng 6 năm 1972 khi Cơ Quan Bạn về Nước , tiếp tục phục vụ trong Toán STRATA III đến tháng 05-1973 bị thương ( Cụt chân phải ) .

Các giấy tờ làm việc với các Cơ Quan Bạn HOA KỲ như : Khế Ước làm việc . Bằng AIRBON và COMMO v.v... đã thất lạc sau 1975 ./.

SAIGON , Ngày 07 tháng 04 năm 1990 .

Dương

Nguyễn Dương

# Ý LỊCH BẢN THÂN

I/- HỘ TỊCH :

- Họ và Tên : NGUYỄN DƯƠNG , Sinh ngày I5-02-I952 , Chứng Minh Nhân Dân số 020645963 do Sở Công An Thành Phố cấp ngày I8-II-I989 .
- Nghề Nghiệp : Điện Lạnh .
- Địa chỉ : 250/20 Nguyễn Thượng Hiền , Phường 6 , Quận Bình Thạnh , TP.HỒ CHÍ MINH .
- Học Tập Cải Tạo : Lần thứ I tại SAIGON
  Lần thứ II tại Tỉnh SÔNG BÉ .
- Tình trạng Gia Cảnh : 0I ( một ) Vợ và 03 ( ba ) Con .
  1- Vợ : NGUYỄN THỊ THANH , Sinh năm I956 ( Đã ly hôn )
  2- Con : NGUYỄN TUẤN , Sinh năm I977 hiện Đi Học . Địa chỉ 250/20 Nguyễn Thượng Hiền P06 Quận Bình Thạnh Tp Hồ Chí Minh
  3- Con : NGUYỄN TOÀN , Sinh năm I978 hiện Đi Học .
  4- Con : NGUYỄN ANH DŨNG , Sinh năm I980 hiện Đi Học .

II/- PHỤC VỤ VỚI CƠ QUAN NƯỚC BẠN HOA KỲ .

- Cơ Quan F.O.B.M.M. Đà Nẵng VIỆT NAM .
- Thuộc Toán STRATA .
- Chỉ Huy Trưởng Thiếu Tá GOLD ( Bị tử nạn trên chiếc Máy Bay C.06 năm I97I do Phi Hành Đoàn Trung Hoà Quốc Gia điều khiển ) .
- Từng trực tiếp làm việc với Trung Sĩ SKY , FRANKLIN GRACIA v.v...
- Đã theo học tại AIRBON CEUTEN TRAINING Long Thành VIỆT NAM .
  1) AIRBON .
  2) COMMO .

Sau tháng 6 năm 1972 khi Cơ Quan Bạn về Nước , tiếp tục phục vụ trong Toán STRATA III đến tháng 05-I973 bị thương ( Cụt chân phải ) .

Các giấy tờ làm việc với các Cơ Quan Bạn HOA KỲ như : Khế Ước làm việc . Bằng AIRBON và COMMO v.v... đã thất lạc sau I975 ./.

SAIGON , Ngày 07 tháng 04 năm 1990 .

Dương

Nguyễn Dương

Họ và tên Nguyễn Thiếng Số: 72/120.792
Cấp Bậc: Trung Sĩ.
Đơn Vị: F.C.B. H.H. Đà Nẵng.
Chức Vụ: Commoman SIRATA TEAM.
Thời gian phục Vụ 1970. đến tháng 12 1972.
Các Khoá Học:
- AirBorn.
- Commo (Centen AirBorn Training)

Tên một vài cố Vấn Hoa Kỳ:
- Thiên Tá Gold (tử trận trên chiến C. 6 năm 1971 tại Kontum)
- Sky
- Franklin
- Petty.

Sài Gòn ngày 22/10/88.

Nguyễn Thiếng.
250/20 Nguyễn Thượng Hiền
P06 Quận Bình Thạnh
T.P. Hồ Chí Minh.
Việt Nam.

Họ và tên Nguyễn Dưỡng Sq: 72/120.792
Cấp Bậc: Trung Sĩ.
Đơn Vị: F.C.B. H.H. Đà nẵng.
Chức Vụ: Commoman STRATA TEAM.
Thời gian phục vụ 1970. đến mùa Hè 1972.
Các Khóa Học:
- AirBon. (Center AirBon Training)
- Commo
Tên một vài cố vấn Hoa Kỳ:
- Thiếu Tá Gold (tử nạn trên chiếc C. 6 năm 1971 Tại Kontum)
- Sky
- Franklin
- Petty.

Sài Gòn ngày 22/10/88.

Dưỡng

Nguyễn Dưỡng.
250/20 Nguyễn Thiện Thuật
P06 Quận Bình Thạnh
T.P. Hồ Chí Minh.
Việt Nam.

BỘ NỘI VỤ

Trại Tân Hiệp

Số 152 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập — Tự do — Hạnh phúc*

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

SHSLD

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 109/QĐ - PC24 ngày 14 tháng 09 năm 1987

của GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN DƯƠNG. Sinh năm 192 1952

Các tên gọi khác

Nơi sinh [redacted]. Hải Phòng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

250/20 Nguyễn thượng hiền. Phường 6 Bình thạnh.

Can tội Trốn ra nước ngoài vì mục đích phạm cách mạng.

Bị bắt ngày 13/2/1982 Án phạt TTCT (03 năm).

Theo quyết định, án văn số 1037 ngày 19 tháng 8 năm 1983 của

Tòa án nhân dân thành phố HCM.

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 250 - 20 Nguyễn thượng hiền P.6 Bình thạnh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tiến không vi phạm tội mới. Thời gian cải tạo đã hơn 5 năm.

Tha về trú quán.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lăn tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn Dương.

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 19 tháng 11 năm 1987

Trưởng trại

(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Công an P6 [illegible]

Chứng nhận đ/sư Nguyễn Dương đủ trình diện tại địa phương.

Ngày 25/9/87

KT. Trưởng CA P6

Phó CA

Huỳnh Ngọc Sang.

# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) _____ (Middle) DUONG (First)

Current Address: 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, T/PHCM

Date of Birth: 15-02-1952 Place of Birth: HAI HUNG, VIETNAM.

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) COMMONMAN STRATA TEAM

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 13-MAY 1982 To 19-SEPT 1987
Years: 5 Months: 4 Days: 6

3. SPONSOR'S NAME: no sponsor in USA. (Name)

_____ (Address and Telephone Number)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| no relative in USA. | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Divorce Judgement attached.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020255586

Họ tên NGUYỄN DƯƠNG

Sinh ngày 15-02-1952

Nguyên quán Hải Hưng

Nơi thường trú 250/20 Nguyen-Thượng Hiền, F.6, BT, TP. HồChíMinh

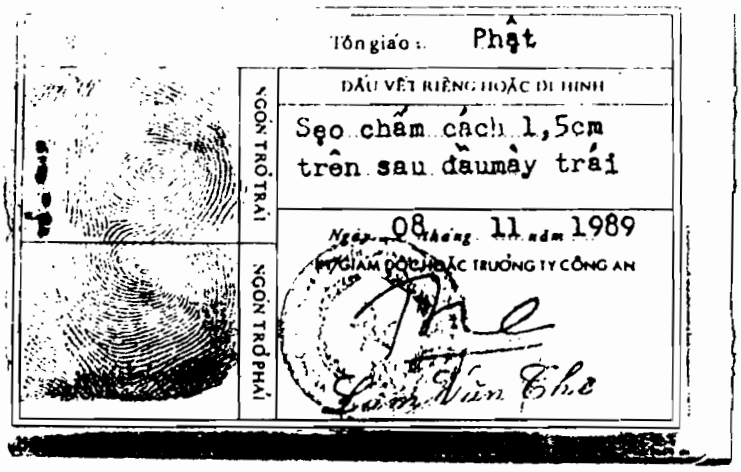

Tôn giáo : Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 1,5cm trên sau đầu mày trái

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

PT GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Thọ

BỘ NỘI VỤ
Trại Tân Hiệp
Số 678 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập — Tự do — Hạnh phúc*

Mẫu số (M)-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

SHSLD

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 109/QĐ - PC24 ngày 14 tháng 09 năm 1987

của GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN DƯƠNG. Sinh năm 1952 1952

Các tên gọi khác

Nơi sinh [redacted]. Bắc [redacted]

Nơi đăng ký, nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

250A/ 20 Nguyễn thượng hiền. Phường 6 Bình thạnh.

Án tội Trốn ra nước ngoài vì mục đích phản cách mạng.

Bị bắt ngày 13/2/1982 Án phạt TTCT ( 03 năm ).

Theo quyết định, án văn số 1037 ngày 19 tháng 8 năm 1983 của

Ủy ban nhân dân thành phố HCM.

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 250 - 20 Nguyễn thượng hiền P.6 Bình thạnh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tạo không vi phạm tội mới. Thời gian cải tạo đã hơn 5 năm.

Tha về tại quận.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Nguyễn Dương.
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 19 tháng 12 năm 1987
Trưởng trại
(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Công an p6 2 Bố [?]

Chứng nhận đ/sư Nguyễn Dương đã

trình diện tại địa phương.

Ngày 25/9/07

KT. Trưởng CAF 6

Phó CA

Huỳnh Ngọc Sang.

## THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

| | |
|---|---|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ... tháng ... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ... tháng ... năm ..... Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ... tháng ... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ... tháng ... năm ..... Ký tên, đóng dấu |

## NHỮNG ... ĐỔI KHÁC

| | |
|---|---|
| | |
| | |

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN -

## HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 710838 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn văn Mạc

Ấp, ngõ, số nhà : 250/20

Thị trấn, đường phố : Nguyễn Thường Hiền

Xã, phường : 6

Huyện, quận : Bình Thạnh

Ngày 12 tháng 3 năm 1982

Trưởng Công an : .....
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phạm văn Đức

Sổ NK 3 : .....

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKNK |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 01 | Nguyễn văn Mạc | Chủ hộ | Nam | 1924 | 020813506 | tài xế | 1.10.76 | chết xóa 2.10.86 | |
| 02 | Nguyễn Thị Mỹ | vợ | Nữ | 1925 | 020813467 | Nội trợ | 1.10.76 | -nt- | |
| 03 | Nguyễn Thị Xuân | con | Nữ | 1960 | 020813468 | | 1.10.76 | 8/5 Ấp 3 Thủ Đức 2.6.86 | |
| 04 | Nguyễn Thị Hà | con | Nữ | 1963 | 020813469 | Đan mây tre | 1.10.76 | | |
| 05 | Nguyễn Thị Dưỡng | con | Nữ | 1965 | 021727565 | | 1.10.76 | | |
| 06 | Nguyễn Hoàng Tâm | cháu | Nam | 1973 | 022682609 | | 28.10.76 | | |
| 07 | Nguyễn Thị Minh | con | Nữ | 1957 | 021044086 | | 30.5.79 | | |
| 08 | Nguyễn Thị Thanh | con | Nữ | 1956 | 021136150 | | 16.10.80 | | TC 11 khoản |
| 09 | Nguyễn Tuấn | cháu | Nam | 1977 | | | 16.10.80 | | CTr (6-81) |
| 10 | Nguyễn Toàn | cháu | Nam | 1978 | | | 16.10.80 | | |
| 11 | Nguyễn Anh Dũng | cháu | Nam | 1980 | | | [illegible] 80 | | |
| 12 | Nguyễn văn Ngại | Con | nam | 1954 | 022227856 | | đã [illegible] | | (13) |
| 13 | Nguyễn Ngọc [illegible] | cháu | nam | 14.07.1984 | | mới sinh | [illegible] 1984 | chết [illegible] | (14) |
| 14 | Nguyễn Hoàng Vũ | cháu chị Minh | nam | 19/04/85 | | mới sinh | [illegible] 1985 | | (15) |
| 15 | Nguyễn Dương Khánh | cháu | nam | 05.02.86 | | mới Sinh | 07.04.1986 | | |
| 16 | Nguyễn Khương | em rể | nam | 1952 | | | 03.11.1987 | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

## THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

| | |
|---|---|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày .. tháng .... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày .... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu |

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

| | |
|---|---|
| | |
| | |

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 710838 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn văn Mạc

Ấp, ngõ, số nhà : 250/20

Thị trấn, đường phố : Nguyễn Thường Hiền

Xã, phường : 6

Huyện, quận : Bình Thạnh

Ngày 12 tháng 3 năm 1982

Trưởng Công an :
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phạm văn Đức

Sổ NK 3 : .....

# NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKNK |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 01 | Nguyễn văn Mạc | Chủ hộ | Nam | 1924 | 020813506 | Tài xế | 1.10.76 | chết [illegible] 2.11.86 | |
| 02 | Nguyễn Thị Mỹ | vợ | Nữ | 1925 | 020813467 | Nội trợ | 1.10.76 | -nt- | |
| 03 | Nguyễn Thị Xuân | con | Nữ | 1960 | 020813468 | | 1.10.76 | 815 [illegible] 2.6.86 | |
| 04 | Nguyễn Thị Hạ | con | Nữ | 1963 | 020813469 | Đan mây tre | 1.10.76 | | |
| 05 | Nguyễn Thị Dưỡng | con | Nữ | 1965 | 021727565 | | 1.10.76 | | |
| 06 | Nguyễn Hoàng Tâm | cháu | Nam | 1973 | 022682609 | | 28.10.76 | | |
| 07 | Nguyễn Thị Minh | con | Nữ | 1957 | 021044086 | | 30.5.79 | | |
| 08 | Nguyễn Thị Thanh | con | Nữ | 1956 | 021136150 | | 16.10.80 | | [illegible] |
| 09 | Nguyễn Tuấn | cháu | Nam | 1977 | | | 16.10.80 | | [illegible] |
| 10 | Nguyễn Toàn | cháu | Nam | 1978 | | | 16.10.80 | | |
| 11 | Nguyễn Anh Dũng | cháu | Nam | 1980 | | | [illegible] 80 | | [illegible] |
| 12 | Nguyễn văn Ngọi | Con | nam | 1954 | 022227856 | | [illegible] | | [illegible] |
| 13 | Nguyễn Ngọc Lâm | cháu | nam | 14.01.1984 | | Mới sinh | [illegible] 1984 | chết [illegible] | [illegible] (14) |
| 14 | Nguyễn Hoàng Vũ | con chị Minh | nam | 19/04/85 | | Mới sinh | [illegible] 1985 | | |
| 15 | Nguyễn Dương Khánh | cháu | nam | 05.02.86 | | Mới Sinh | 07.04.1986 | | [illegible] (15) |
| 16 | Nguyễn Cường | em rể | nam | 1952 | | | 03.11.1987 | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Căn cứ điều 40-44-45 luật hôn nhân gia đình ban hành ngày 3.1.1987 .

Căn cứ điều 36 luật tổ chức Tòa án nhân dân công bố ngày 13.7.1981 quy định thẩm quyền TAND cấp quận .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

QUYẾT - ĐỊNH

1-/ VỀ QUAN HỆ VỢ CHỒNG : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh NGUYỄN DƯƠNG và chị NGUYỄN THỊ THANH

2-/ VỀ CON : Công nhận sự thỏa thuận giữa đôi bên anh DƯƠNG nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN TUẤN sinh năm 1977
- NGUYỄN [illegible]AN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Đôi bên được quyền lui tới thăm con . Vì lợi ích con khi cần thiết đôi bên có thể thay đổi việc nuôi con và góp phí tổn nuôi con .

Án phí 3.000 đồng anh DŨNG đóng theo thỏa thuận đóng .

Quyết định này có giá trị như 1 bản án . Báo cho đôi bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
Thẩm phán

TRẦN XUÂN THỦY .

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Quận Bình thạnh
---oOo---
Việc ly hôn
Số thụ lý : 71/TL
Ngày : 1.3.1989
---
NGUYỄN DƯƠNG
Thuận tình ly hôn
NGUYỄN THỊ THANH
---
Số QĐ: 125/TL
Ngày : 26.4.1989
---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# QUYẾT - ĐỊNH

## CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN

Hôm n-y ngày 26 tháng 4 năm 1989 lúc 8 g
Chúng tôi THẦN XUÂN THỦY - Thẩm phán
Có anh NGUYỄN QUỐC DŨNG - Thư ký ngồi tại
Phòng hôn nhân gia đình để xét việc ly
hôn giữa :

- Một bên là : NGUYỄN DƯƠNG 37 tuổi
  Nghề nghiệp: Thợ điện lạnh
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

- Bên kia là : NGUYỄN THỊ THANH 33 tuổi
  Nghề nghiệp: Buôn bán
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

## NỘI DUNG VỤ VIỆC

Anh DƯƠNG Và chị THANH xây dựng gia đình năm 1976 không có hôn thú . Quá trình chung sống có 3 con chung .

Hạnh phúc vợ chồng bình thường. Đến năm 1981 xảy ra mâu thuẫn do đôi bên không hợp tính tình. Từ đó anh chị xin thuận tình ly hôn Tòa hòa giải khuyên anh chị trở về đoàn tụ nhưng anh chị cương quyết xin dứt khoát .

Về con : đôi bên thỏa thuận anh DƯƠNG nuôi dưỡng 2 trẻ :
- NGUYỄN TUẤN sinh năm 1977
- NGUYỄN TOÀN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :
- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Về tài sản : không có gì giải quyết .

Xét việc ly hôn giữa anh DƯƠNG và chị THANH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và khả năng đoàn tụ không còn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Quận Bình thạnh
---oOo---
Việc ly hôn
Số/thụ lý : 71/TL
Ngày : 1.3.1989
---
NGUYỄN DƯƠNG
Thuận tình ly hôn
NGUYỄN THỊ THANH
---
Số QĐ: 125/TL
Ngày : 26.4.1989
---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# QUYẾT - ĐỊNH

## CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN

Hôm n-y ngày 26 tháng 4 năm 1989 lúc 8 g
Chúng tôi TRẦN XUÂN THỦY - Thẩm phán
Có anh ĐOÀN QUỐC DŨNG - Thư ký ngồi tại
Phòng hôn nhân gia đình để xét việc ly
hôn giữa :

- Một bên là : NGUYỄN DƯƠNG 37 tuổi
  Nghề nghiệp: Thợ điện lạnh
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

- Bên kia là : NGUYỄN THỊ THANH 33 tuổi
  Nghề nghiệp: Buôn bán
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

## NỘI DUNG VỤ VIỆC

Anh DƯƠNG Và chị THANH xây dựng gia đình năm 1976 không có hôn thú . Quá trình chung sống có 3 con chung .

Hạnh phúc vợ chồng bình thường. Đến năm 1981 xảy ra mâu thuẫn do đôi bên không hợp tính tình. Từ đó anh chị xin thuận tình ly hôn Tòa hòa giải khuyên anh chị trở về đoàn tụ nhưng anh chị cương quyết xin dứt khoát .

Về con : đôi bên thỏa thuận anh DƯƠNG nuôi dưỡng 2 trẻ :
- NGUYỄN TUẤN sinh năm 1977
- NGUYỄN TOÀN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :
- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Về tài sản : không có gì giải quyết .

Xét việc ly hôn giữa anh DƯƠNG và chị THANH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và khả năng đoàn tụ không còn .

Căn cứ điều 40-44-45 luật hôn nhân gia đình ban hành ngày 3.1.1987 .

Căn cứ điều 36 luật tổ chức Tòa án nhân dân công bố ngày 13.7.1981 quy định thẩm quyền TAND cấp quận .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

QUYẾT - ĐỊNH

1-/ VỀ QUAN HỆ VỢ CHỒNG : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh NGUYỄN DƯƠNG và chị NGUYỄN THỊ THANH

2-/ VỀ CON : Công nhận sự thỏa thuận giữa đôi bên anh DƯƠNG nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN [illegible] sinh năm 1977
NGUYỄN [illegible] sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Đôi bên được quyền lui tới thăm con . Vì lợi ích con khi cần thiết đôi bên có thể thay đổi việc nuôi con và góp phí tổn nuôi con .

Án phí 3.000 đồng anh DŨNG đóng thỏa thuận đóng .

Quyết định này có giá trị như 1 bản án . Báo cho đôi bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
Thẩm phán

TRẦN XUÂN THỦY .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022565963

Họ tên NGUYỄN DƯƠNG

Sinh ngày 15-02-1952

Nguyên quán Hải Hưng

Nơi thường trú 250/20 Nguyễn-Thượng Hiền, F.6, BT, TP. HồChíMinh

Tôn giáo : Phật

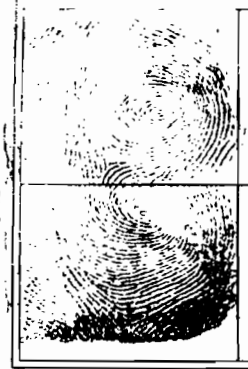

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 1,5cm
trên sau đầu mày trái

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

K/T GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Thọ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN**

Số: 020265963

Họ tên NGUYỄN DƯƠNG

Sinh ngày 15-02-1952

Nguyên quán Hải Hưng

Nơi thường trú 250/20 Nguyen-Thượng Hiền, F.6, BT, TP. HồChíMinh

Tôn giáo : Phật

NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 1,5cm
trên sau đầu mày trái

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Thê

# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

## POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

**The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.**

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) _____ (Middle) DUONG (First)

   Current Address: 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, T/PHCM

   Date of Birth: 15-02-1952 Place of Birth: HAI HUNG, VIETNAM.

   Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) COMMONMAN STRATA TEAM

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 13-MAY 1982 To 19-SEPT 1987

   Years: 5 Months: 4 Days: 6

3. SPONSOR'S NAME: no sponsor in USA. (Name)

   _____ (Address and Telephone Number)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| no relative in USA. | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Divorce Judgement attached.

# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:


IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

## POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) _____ (Middle) DUONG (First)

Current Address: 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, T/PHCM

Date of Birth: 15-02-1952 Place of Birth: HAI HUNG, VIETNAM.

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) COMMONMAN STRATA TEAM

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 13-MAY 1982 To 19-SEPT 1987

Years: 5 Months: 4 Days: 6

3. SPONSOR'S NAME: no sponsor in USA. (Name)

_____ (Address and Telephone Number)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone Number | Relationship |
|---|---|
| no relative in USA. | |
| | |
| | |
| | |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Divorce judgement attached.

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

**INTAKE FORM** (Two Copies)
**MAU DON VE LY-LICH**
**********

HỒ SƠ BỔ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN (Last (Ten Ho)) DUONG (First (Ten goi))

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 02 (Month (Thang)) 15 (Day (Ngay)) 1952 (Year (Nam))

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
Devorce, Ly di : X.

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, T/P HCM.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) __
If Yes (Neu co): From (Tu): MAY 13. 1982 To (Den): SEPT 19. 1987

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trai tu): SAIGON, SONG BE

PROFESSION (Nghe nghiep): ELECTRICIAN

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): SERGEANT, VIETNAM ARMY (TRUNG SĨ)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): COMMANDMAN STRATA TEAM. 1970 To 1972 Date (nam): UNTIL 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): N/O

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 250/20 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 QUAN BINH THANH, T/P HCM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NO SPONSOR in USA.

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND (BẠN)

NAME & SIGNATURE: LE HAI
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: APR. (Month (Thang)) 28 (Day (Ngay)) 1990 (Year (Nam))

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Devorce Judgement attached.

HOI GIA-DINH TU-NHAN CHINH-TRI VIET-NAM P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA. 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH
**********

HỒ SƠ BỔ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN (Last - Ten Ho) | (Middle - Giua) | DUONG (First - Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH (Nam, noi sinh) : 02 (Month - Thang) | 15 (Day - Ngay) | 1952 (Year - Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS (Tinh trang gia dinh): Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): _____
Devorce, Ly di : X.

ADDRESS IN VIETNAM (Dia chi tai Viet-Nam) : 250/20 NGUYEN THUONG HIEN, PHUONG 6, QUAN BINH THANH, TP HCM.

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong) ___
If Yes (Neu co): From (Tu): MAY 13. 1982 To (Den): SEPT 19. 1987

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP (Trai tu): SAIGON, SONG BE

PROFESSION (Nghe nghiep): ELECTRICIAN

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): SERGEANT, VIETNAM ARMY (BINH SĨ)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): COMMUNMAN STRATA TEAM. Date (nam): UNTIL 1975
1970 To 1972

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 250/20 NGUYEN THUONG HIEN PHUONG 6 QUAN BINH THANH, TP HCM.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NO sponsor in USA.

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): NO

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): FRIEND (BẠN)

NAME & SIGNATURE: LE HAI
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: APR. (Month - Thang) | 28 (Day - Ngay) | 1990 (Year - Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN DUONG
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|---|---|---|
| NGUYEN TUAN | 1977 | SON |
| NGUYEN TOAN | 1978 | SON |
| NGUYEN ANH DUNG | 1980 | SON |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |
| | | |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION : Devorce Judgement attached.

# Ý LỊCH BẢN THÂN

I/- HỘ TỊCH :

- Họ và Tên : NGUYỄN DƯƠNG , Sinh ngày 15-02-1952 , Chứng Minh Nhân Dân số 020645963 do Sở Công An Thành Phố cấp ngày 18-11-1989 .
- Nghề Nghiệp : Điện Lạnh .
- Địa chỉ : 250/20 Nguyễn Thượng Hiền , Phường 6 , Quận Bình Thạnh , TP.HỒ CHÍ MINH .
- Học Tập Cải Tạo : Lần thứ I tại SAIGON
  Lần thứ II tại Tỉnh SÔNG BÉ .
- Tình trạng Gia Cảnh : 01 ( một ) Vợ và 03 ( ba ) Con .
  1- Vợ : NGUYỄN THỊ THANH , Sinh năm 1956 ( Đã ly hôn )
  2- Con : NGUYỄN TUẤN , Sinh năm 1977 hiện Đi Học . Địa chỉ 250/20 Nguyễn Thượng Hiền P06 Quận Bình Thạnh Tp Hồ Chí Minh
  3- Con : NGUYỄN TOÀN , Sinh năm 1978 hiện Đi Học .
  4- Con : NGUYỄN ANH DŨNG , Sinh năm 1980 hiện Đi Học .

II/- PHỤC VỤ VỚI CƠ QUAN NƯỚC BẠN HOA KỲ .

- Cơ Quan F.O.B.M.M. Đà Nẵng VIỆT NAM .
- Thuộc Toán STRATA .
- Chỉ Huy Trưởng Thiếu Tá GOLD ( Bị tử nạn trên chiếc Máy Bay C.06 năm 1971 do Phi Hành Đoàn Trung Hoa Quốc Gia điều khiển ) .
- Từng trực tiếp làm việc với Trung Sĩ SKY , FRANKLIN GRACIA v.v...
- Đã theo học tại AIRBON CEUTEN TRAINING Long Thành VIỆT NAM .
  1) AIRBON .
  2) COMMO .

Sau tháng 6 năm 1972 khi Cố Quan Bạn về Nước , tiếp tục phục vụ trong Toán STRATA III đến tháng 05-1973 bị thương ( Cụt chân phải ) .

Các giấy tờ làm việc với các Cơ Quan Bạn HOA KỲ như : Khế Ước làm việc . Bằng AIRBON và COMMO v.v... đã thất lạc sau 1975 ./.

SAIGON , Ngày 07 tháng 04 năm 1990 .

Dương

Nguyễn Dương

# II Ý LỊCH BẢN THÂN

I/- HỘ TỊCH :

- Họ và Tên : NGUYỄN DƯƠNG , Sinh ngày 15-02-1952 , Chứng Minh Nhân Dân số 020645963 do Sở Công An Thành Phố cấp ngày 18-11-1989 .
- Nghề Nghiệp : Điện Lạnh .
- Địa chỉ : 250/20 Nguyễn Thượng Hiền , Phường 6 , Quận Bình Thạnh , TP.HỒ CHÍ MINH .
- Học Tập Cải Tạo : Lần thứ I tại SAIGON
  Lần thứ II tại Tỉnh SONG BÉ .
- Tình trạng Gia Cảnh : 01 ( một ) Vợ và 03 ( ba ) Con .
  1- Vợ : NGUYỄN THỊ THANH , Sinh năm 1956 ( Đã ly hôn )
  2- Con : NGUYỄN TUẤN , Sinh năm 1977 hiện Đi Học . Địa chỉ 250/20 Nguyễn
  3- Con : NGUYỄN TOÀN , Sinh năm 1978 hiện Đi Học . Thượng Hiền P06 Quận
  4- Con : NGUYỄN ANH DŨNG , Sinh năm 1980 hiện Đi Học ./. Bình Thạnh Tp. Hồ Chí Minh

II/- PHỤC VỤ VỚI CƠ QUAN NƯỚC BẠN HOA KỲ .

- Cơ Quan F.O.B.M.M. Đà Nẵng VIỆT NAM .
- Thuộc Toán STRATA .
- Chỉ Huy Trưởng Thiếu Tá GOLD ( Bị tử nạn trên chiếc Máy Bay C.06 năm 1971 do Phi Hành Đoàn Trung Hoa Quốc Gia điều khiển ) .
- Từng trực tiếp làm việc với Trung Sĩ SKY , FRANKLIN GRACIA v.v...
- Đã theo học tại AIRBON CEUTEN TRAINING Long Thành VIỆT NAM .
  1) AIRBON .
  2) COMMO .

Sau tháng 6 năm 1972 khi Cơ Quan Bạn về Nước , tiếp tục phục vụ trong Toán STRATA III đến tháng 05-1973 bị thương ( Cụt chân phải ) .

Các giấy tờ làm việc với các Cơ Quan Bạn HOA KỲ như : Khế Ước làm việc . Bằng AIRBON và COMMO v.v... đã thất lạc sau 1975 ./.

SAIGON , Ngày 07 tháng 04 năm 1990 .

Dương

Nguyễn Dương

Họ và tên Nguyễn Thiếng Số: 72/120.792
Cấp Bậc: Trung Sĩ.
Đơn Vị: F.C.B. H.M. Đà Nẵng.
Chức Vụ: Commomano SIRATA TEAM.
Thời gian phục vụ 1970. đến tháng 4 tết 1972.
Các Khoá Học:
- AirBorn.
- Commo (Centen AirBorn Training)

Tên một vài cô vấn Hoa Kỳ:
- Thiên Tá Gold (tử trận trên chiếc C. 6 năm 1971 tại Kontum)
- Sky
- Franklin
- petty.

Sài Gòn ngày 22/10/88.

Nguyễn Thiếng.
250/20 Nguyễn Thiện Thuật
P06 Quận Bình Thạnh
T.P. Hồ Chí Minh.
Việt Nam.

Họ và tên Nguyễn Dương Sq: 72/120.792
Cấp Bậc: Trung Sĩ.
Đơn Vị: F.O.B. M.M. Đà nẵng.
Chức Vụ: Commoman STRATA TEAM.
Thời gian phục vụ 1970. đến mùa Hè 1972.
Các Khoá Học:
- AirBon. (Center AirBon Training)
- Commo
Tên một vài cố Vấn Hoa Kỳ:
- Thiếu Tá Gold (Tử nạn trên chiếc C. 6 năm 1971 Tại Kontum)
- Sky
- Franklin
- Petty.

Sài Gòn ngày 22/10/88.

Dương

Nguyễn Dương.
250/20 Nguyễn Thượng Hiền
P06 Quận Bình Thạnh
T.P. Hồ chí Minh.
Việt Nam.

BỘ NỘI VỤ
Trại Tân Hiệp
Số 652 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập — Tự do — Hạnh phúc*

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

SHSLĐ

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 109/QĐ-PC24 ngày 14 tháng 09 năm 1987

của GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN DƯƠNG. Sinh năm 1952 1952

Các tên gọi khác

Nơi sinh [redacted]. Hộ [redacted]

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

250/ 20 Nguyễn thượng hiền. Phường 6 Bình thạnh.

Can tội Trốn ra nước ngoài vì mục đích phản cách mạng.

Bị bắt ngày 13/2/1982 Án phạt TTCT ( 03 năm ).

Theo quyết định, án văn số 1037 ngày 19 tháng 8 năm 983 của

Ủy ban nhân dân thành phố HCM.

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 250 - 20 Nguyễn thượng hiền P.6 Bình thạnh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tốt không vi phạm tội mới. Thời gian cải tạo đã hơn 5 năm.

Tha về tái sinh.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Nguyễn Dương.
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày 14 tháng 11 năm 1987
Trưởng trại
(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Công an P6 Q5

Chứng nhận đ/sư Nguyễn Bằng đã trình diện tại địa phương

Ngày 25/9/57

KT. Trưởng CAP6

Phó CA

Huỳnh Ngọc Sang.

BỘ NỘI VỤ
Trại Tân Hiệp
Số 652 /HS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập — Tự do — Hạnh phúc*

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

SHSLĐ

# GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 109/QĐ - PC24 ngày 14 tháng 09 năm 1987

của GIÁM ĐỐC CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH.

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN DƯƠNG. Sinh năm 192 1952

Các tên gọi khác

Nơi sinh [redacted]. Hộ [redacted]

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

250/ 20 Nguyễn thượng hiền. Phường 6 Bình thạnh.

Can tội trốn ra nước ngoài vì mục đích phản cách mạng.

Bị bắt ngày 13/2/1982 Án phạt TTCT ( 03 năm ).

Theo quyết định, án văn số 1037 ngày 19 tháng 8 năm 983 của

Ủy ban nhân dân thành phố HCM.

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 250/ 20 Nguyễn thượng hiền P.6 Bình thạnh.

Nhận xét quá trình cải tạo

Cải tạo không vi phạm tội mới. Thời gian cải tạo đủ hơn 5 năm.

Tha về tái sinh.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày tháng năm 19

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Nguyễn Dương.
Danh bản số
Lập tại

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Ngày tháng năm 19
Trưởng trại
(ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ)

Công an P. 2

Chứng nhận đ/sư Nguyễn Dương Tư trình diện tại địa phương.

Ngày 25/9/97

KT. Trưởng CA F. 2

Phó CA

Huỳnh Ngọc Sang.

## THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

| | |
|---|---|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ... tháng ... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... ..... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu |

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

| | |
|---|---|
| | |
| | |

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN -

## HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 710838 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn văn Mạc

Ấp, ngõ, số nhà : 250/20

Thị trấn, đường phố : Nguyễn Thường Tuyên

Xã, phường : 6

Huyện, quận : Bình Thạnh

Ngày 10 tháng 3 năm 1982

Trưởng công an :
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phạm văn Đức

Sổ NK 3 : .....

## NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKNK |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 01 | Nguyễn văn Hạc | Chủ hộ | Nam | 1924 | 020813506 | tài xế | 1.10.76 | chết rồi 2.10.86 | |
| 02 | Nguyễn Thị Hý | vợ | Nữ | 1925 | 020813467 | nội trợ | 1.10.76 | -nt- | |
| 03 | Nguyễn Thị Xuân | con | Nữ | 1960 | 020813468 | | 1.10.76 | 8/5 ấp 3 [illegible] 2.6.86 | |
| 04 | Nguyễn Thị Hạ | con | Nữ | 1963 | 020813469 | đan mây tre | 1.10.76 | | |
| 05 | Nguyễn Thị Dưỡng | con | Nữ | 1965 | 021727565 | | 1.10.76 | | |
| 06 | Nguyễn Hoàng Tâm | cháu | Nam | 1973 | 022682609 | | 28.10.76 | | |
| 07 | Nguyễn Thị Minh | con | Nữ | 1957 | 021043086 | | 30.5.79 | | |
| 08 | Nguyễn Thị Thanh | con | Nữ | 1956 | 021836150 | | 16.10.80 | | [illegible] |
| 09 | Nguyễn Tuấn | cháu | Nam | 1977 | | | 16.10.80 | | [illegible] |
| 10 | Nguyễn Toàn | cháu | Nam | 1978 | | | 16.10.80 | | |
| 11 | Nguyễn Anh Dũng | cháu | Nam | 1980 | | | [illegible] 80 | | |
| 12 | Nguyễn văn Ngại | Con | nam | 1954 | 022227856 | | [illegible] | | [illegible] |
| 13 | Nguyễn Ngọc Sang | cháu | nam | 14.01.1984 | | Mới sinh | [illegible] 1984 | chết [illegible] 1984 | [illegible] (14) |
| 14 | Nguyễn Hoàng Vũ | con thứ Minh | nam | 19/04/85 | | Mới sinh | [illegible] 1985 | | |
| 15 | Nguyễn Dương Khánh | cháu | nam | 05.02.86 | | Mới Sinh | 07.04.1986 | | (15) |
| 16 | Nguyễn Khương | em rể | nam | 1952 | | | 03.11.1987 | | |

## THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

| | |
|---|---|
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... Từ ngày .. tháng .. năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu |
| Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... Từ ngày .. tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu | Chứng nhận đã chuyển đến ở : ..... Từ ngày ..... tháng ..... năm ..... Ký tên, đóng dấu |

## NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

| | |
|---|---|
| | |
| | |

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

# GIẤY CHỨNG NHẬN
## HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 710838 CN

Họ và tên chủ hộ : Nguyễn văn Mạc

Ấp, ngõ, số nhà : 250/20

Thị trấn, đường phố : Nguyễn Thường Hiền

Xã, phường : 6

Huyện, quận : Bình Thạnh

Ngày 12 tháng 3 năm 1982

Trưởng Công an :
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phạm văn Đức

Sổ NK 3 : .....

# NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

| Số thứ tự | HỌ VÀ TÊN | Quan hệ với chủ hộ | Nam hay nữ | Ngày tháng năm sinh | Số giấy CMND | Nghề nghiệp và nơi làm việc | Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú | Ngày tháng năm và nơi chuyển đi | Tên cán bộ ĐKNK |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 01 | Nguyễn văn Mạc | Chủ hộ | Nam | 1924 | 020813506 | cai xế | 1.10.76 | chết [illegible] 86 | |
| 02 | Nguyễn Thị Mỹ | vợ | Nữ | 1925 | 020813467 | [illegible] | 1.10.76 | - nt - | |
| 03 | Nguyễn Thị Xuân | con | Nữ | 1960 | 020813468 | | 1.10.76 | 8/5 [illegible] 2.6.86 | |
| 04 | Nguyễn Thị Hạ | con | Nữ | 1963 | 020813469 | Đan mây tre | 1.10.76 | | |
| 05 | Nguyễn Thị Dưỡng | con | Nữ | 1965 | 021727565 | | 1.10.76 | | |
| 06 | Nguyễn Hoàng Tâm | cháu | Nam | 1973 | 022682609 | | 28.10.76 | | |
| 07 | Nguyễn Thị Minh | con | Nữ | 1957 | 021043086 | | 30.5.79 | | |
| 08 | Nguyễn Thị Thanh | con | Nữ | 1956 | 021836150 | | 16.10.80 | | [illegible] |
| 09 | Nguyễn Tuấn | cháu | Nam | 1977 | | | 16.10.80 | | [illegible] |
| 10 | Nguyễn Toàn | cháu | Nam | 1978 | | | 16.10.80 | | |
| 11 | Nguyễn Anh Dũng | cháu | Nam | 1980 | | | [illegible] 80 | | |
| 12 | Nguyễn văn Ngại | Con | nam | 1954 | 022227856 | | [illegible] | | [illegible] (13) |
| 13 | Nguyễn [illegible] | cháu | nam | 14.01.1984 | | [illegible] | [illegible] 1984 | [illegible] | [illegible] (14) |
| 14 | Nguyễn Hoàng [illegible] | [illegible] | nam | 19/04/85 | | mới sinh | [illegible] 1985 | | |
| | | | | | | | | | (15) |
| 15 | Nguyễn Dương Khánh | cháu | nam | 05.02.86 | | mới sinh | 07.04.1986 | | |
| 16 | Nguyễn Thường | em rể | nam | 195[illegible] | | | 03.11.1987 | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Quận Bình thạnh
---oOo---
Việc ly hôn
Số thụ lý : 71/TL
Ngày : 1.3.1989

NGUYỄN DƯƠNG
Thuận tình ly hôn
NGUYỄN THỊ THANH

Số QĐ: 125/TL
Ngày : 26.4.1989

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# QUYẾT - ĐỊNH

## CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN

Hôm n-y ngày 26 tháng 4 năm 1989 lúc 8 g
Chúng tôi THẦN XUÂN THỦY - Thẩm phán
Có anh DOÀN QUỐC DŨNG - Thư ký ngồi tại
Phòng hôn nhân gia đình để xét việc ly
hôn giữa :

- Một bên là : NGUYỄN DƯƠNG 37 tuổi
  Nghề nghiệp: Thợ điện lạnh
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

- Bên kia là : NGUYỄN THỊ THANH 33 tuổi
  Nghề nghiệp: Buôn bán
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

## NỘI DUNG SỰ VIỆC

Anh DƯƠNG và chị THANH xây dựng gia đình năm 1976 không có hôn thú . Quá trình chung sống có 3 con chung .

Hạnh phúc vợ chồng bình thường. Đến năm 1981 xảy ra mâu thuẫn do đôi bên không hợp tính tình. Từ đó anh chị xin thuận tình ly hôn Tòa hòa giải khuyên anh chị trở về đoàn tụ nhưng anh chị cương quyết xin dứt khoát .

Về con : đôi bên thỏa thuận anh DƯƠNG nuôi dưỡng 2 trẻ :
- NGUYỄN TUẤN sinh năm 1977
- NGUYỄN TOÀN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :
- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Về tài sản : không có gì giải quyết .

Xét việc ly hôn giữa anh DƯƠNG và chị THANH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và khả năng đoàn tụ không còn

Căn cứ điều 40-44-45 luật hôn nhân gia đình ban hành ngày 3.1.1987 .

Căn cứ điều 36 luật tổ chức Tòa án nhân dân công bố ngày 13.7.1981 quy định thẩm quyền TAND cấp quận .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

QUYẾT - ĐỊNH

1-/ VỀ QUAN HỆ VỢ CHỒNG : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh NGUYỄN DƯƠNG và chị NGUYỄN THỊ THANH

2-/ VỀ CON : Công nhận sự thỏa thuận giữa đôi bên anh DƯƠNG nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN [illegible] UẤN sinh năm 1977
NGUYỄN [illegible] AN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Đôi bên được quyền lui tới thăm con . Vì lợi ích con khi cần thiết đôi bên có thể thay đổi việc nuôi con và góp phí tổn nuôi con .

Án phí 3.000 đồng anh DŨNG đóng thỏa thuận đóng .

Quyết định này có giá trị như 1 bản án . Báo cho đôi bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
Thẩm phán

TRẦN XUÂN THỦY .

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Quận Bình thạnh
---oOo---
Việc ly hôn
Số thụ lý : 71/TL
Ngày : 1.3.1989

NGUYỄN DƯƠNG
Thuận tình ly hôn
NGUYỄN THỊ THANH

Số QĐ: 125/TL
Ngày : 26.4.1989

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# QUYẾT - ĐỊNH

## CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN

Hôm n-y ngày 26 tháng 4 năm 1989 lúc 8 g
Chúng tôi THẦN XUÂN THỦY - Thẩm phán
Có anh ĐOÀN QUỐC DŨNG - Thư ký ngồi tại
Phòng hôn nhân gia đình để xét việc ly
hôn giữa :

- Một bên là : NGUYỄN DƯƠNG 37 tuổi
  Nghề nghiệp: Thợ điện lạnh
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

- Bên kia là : NGUYỄN THỊ THANH 33 tuổi
  Nghề nghiệp: Buôn bán
  Trú tại : 250/20 Nguyễn thượng Hiền - Phường 6
  quận Bình thạnh

## NỘI DUNG VỤ VIỆC

Anh DƯƠNG và chị THANH xây dựng gia đình năm 1976 không có hôn thú . Quá trình chung sống có 3 con chung .

Hạnh phúc vợ chồng bình thường. Đến năm 1981 xảy ra mâu thuẫn do đôi bên không hợp tính tình. Từ đó anh chị xin thuận tình ly hôn Tòa hòa giải khuyên anh chị trở về đoàn tụ nhưng anh chị cương quyết xin dứt khoát .

Về con : đôi bên thỏa thuận anh DƯƠNG nuôi dưỡng 2 trẻ :
- NGUYỄN TUẤN sinh năm 1977
- NGUYỄN TOÀN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :
- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Về tài sản : không có gì giải quyết .

Xét việc ly hôn giữa anh DƯƠNG và chị THANH trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và khả năng đoàn tụ không còn .

Căn cứ điều 40-44-45 luật hôn nhân gia đình ban hành ngày 3.1.1987 .

Căn cứ điều 36 luật tổ chức Tòa án nhân dân công bố ngày 13.7.1981 quy định thẩm quyền TAND cấp quận .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

QUYẾT - ĐỊNH

1-/ VỀ QUAN HỆ VỢ CHỒNG : Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh NGUYỄN DƯƠNG và chị NGUYỄN THỊ THANH

2-/ VỀ CON : Công nhận sự thỏa thuận giữa đôi bên anh DƯƠNG nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN TUẤN sinh năm 1977
NGUYỄN [illegible]AN sinh năm 1978

Chị THANH nuôi dưỡng trẻ :

- NGUYỄN ANH DŨNG sinh năm 1980

Đôi bên được quyền lui tới thăm con . Vì lợi ích con khi cần thiết đôi bên có thể thay đổi việc nuôi con và góp phí tổn nuôi con .

Án phí 3.000 đồng anh DŨNG đóng thỏa thuận đóng .

Quyết định này có giá trị như 1 bản án . Báo cho đôi bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định .

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
Thẩm phán

TRẦN XUÂN THỦY .

CONTROL

____ Card
____ Doc.Request;Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
✓ Membership Letter 5/21/90

FR: HAI LE
1384 KINGSWAY
VANCOUVER B.C.
V5V 3E4
CANADA

Nguyễn Thanh Phương

Nguyễn Thanh Phương

Nguyễn Thanh Phương

Nguyễn Thanh Phương